TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HS-PT
Ngày: 12 - 7 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình.**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Văn Hùng Cường** .

Ông **Huỳnh Việt Trung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Mơ –** Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Phi**– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 111/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T và bị hại Phạm Văn N, Huỳnh Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo:

- *Bị cáo:* **NGUYỄN THỊ CẨM T, sinh năm 1986** tại tỉnh Tiền Giang. Số chứng minh nhân dân 311819XXX do Công an tỉnh Tiền Giang cấp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TB, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: buôn bán. Giới tính: Nữ. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Bùi Văn H1 và bà Nguyễn Thị Kim C. Chồng Phạm Ngọc T1. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền sự: không. Tiền án: không. Bị cáo bị bắt giữ ngày 14/6/2021, tạm giam từ ngày 23/6/2021 đến ngày 25/11/2021 được thay thế biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* **Phạm Văn N**, sinh năm 1963 và **Huỳnh Thị H,** sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TB, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Ngoài ra, bản án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không có kháng cáo. Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Cẩm T cùng chồng là anh Phạm Ngọc T1 chung sống cùng nhà với ba, mẹ chồng là ông Phạm Văn N và bà Huỳnh Thị H. Hàng ngày, T đi buôn bán rau, củ, quả với bà Huỳnh Thị H. Ngày 13/6/2021, T về nhà một mình và thấy trong nhà không có ai. T nhớ đến việc thường ngày bị ba chồng la mắng, ba mẹ chồng không cho vợ chồng T ra sống riêng nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông N.

Để thực hiện hành vi trộm cắp, T dùng một cái ghế bằng kim loại đập bể kính tủ (loại tủ gỗ treo quần áo để trong phòng khách) để tìm tài sản. T tìm trong túi áo khoác thì phát hiện bịch ni lông màu đen, bên trong có một cái túi vải màu đỏ và một cái hộp nhỏ. T lắc cái hộp thì nghe có âm thanh nên biết là có vàng trong đó, T mang về phòng cất giấu mà không có mở ra xem. Sau đó, T điện thoại cho anh T1 nói nhà bị trộm vào lấy tài sản, T cũng báo bị mất tài sản gồm tiền và một số đồ trang sức cá nhân. Khi anh T1 và ông N về đến nhà thì báo cơ quan Công an. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T lấy số vàng trộm được đem gửi cho chị Trần Thị Ngọc L. Đến ngày 14/6/2021, T tiếp tục mang một số nữ trang và một số tài sản của vợ, chồng đem gửi cho chị L. Khi gửi tài sản cho chị L, T nói đó là tài sản của vợ chồng T, nhờ dì L giữ giúp, sợ để ở nhà sẽ bị trộm cắp, sau đó làm việc với cơ quan Công an, T khai nhận T là người đã lấy tài sản của bà H và ông N.

Cơ quan Công an tiến hành thu giữ tài sản mà T đã gửi giữ tại nhà chị Trần Thị Ngọc L, qua kiểm tra xác định tài sản T trộm cắp 17 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc là 05 chỉ. Những tài sản còn lại gồm tiền Việt Nam, 02 sổ tiết kiệm gửi tiền Ngân hàng và một số nữ trang là tài sản của vợ chồng T và của bà H gửi T giữ giúp, T không trộm những tài sản này.

Tại Kết luận giám định số 3507/C09B ngày 16/7/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 17 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng có dập chữ NT– 5 chỉ - 24k 9999, tổng khối lượng 317.69gram, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 99.90%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 81/KL-ĐGTS ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, tỉnh Tiền Giang kết luận:

-17 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24k, hiệu NT, mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ, tổng trọng lượng 8.5 lượng, giá 5.290.000 đồng/chỉ x 85 chỉ = 449.650.000 đồng (giá vàng ngày 13/6/2021)

- 01 tấm kính gắn cửa tủ quần áo kích thước (1.2x 0.38)m, kính dày 03 mm, giá 200.000 đồng/m^2 x 0.456 m^2 = 91.200 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173*;* điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi và bổ sung năm 2017.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành bản án trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2021 đến ngày 25/11/2021.

Ngày 19/4/2022 bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T, bị hại Phạm Văn N, Huỳnh Thị H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo, Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại là hợp lệ nên đề nghị chấp nhận xem xét. Về nội dung kháng cáo: Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, bị hại không bổ sung thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, bị hại giữ nguyên bản án số: 13/2022/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Vào ngày 13/6/2021, bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm 17 chiếc nhẫn trơn vàng 24k, hiệu NT, mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ, tổng trọng lượng 8,5 lượng của ông Phạm Văn N và bà Huỳnh Thị H, giá trị tài sản tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt là 449.650.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo, không những trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây bức xúc trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo, bị hại không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào để xem xét. Bị cáo phạm tội gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Đối với việc cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là " Người phạm tội tự thú" theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ

luật Hình sự là không đúng. Bởi lẽ: khi bị hại phát hiện việc mất tài sản, trình báo cơ quan Công an và qua làm việc với Công an bị cáo đã khai ra hành vi phạm tội của mình thì lúc này sự việc đã bị phát hiện, không phải là bị cáo tự thú trước khi bị phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo do đó cần điều chỉnh lại cho đúng quy định của pháp luật. Về mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là đã xem xét đến hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo nhưng chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã có lợi cho bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Vì các lẽ trên;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T và bị hại ông Phạm Văn N, bà Huỳnh Thị H.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1.Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173*;* điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi và bổ sung năm 2017.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành bản án trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2021 đến ngày 25/11/2021.

2. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thanh Bình